

Bản án số: 46/2019/HS-ST
Ngày 04/6/2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN H1ỆN H TỈNH THANH HÓA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Ngọc Tú

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đỗ Thế Huân
Bà Lê Thị Hà

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoa - Thư ký Tòa án TAND H1ện H.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân H1ện H tham gia phiên tòa:

Bà Nguyễn Đỗ Diệu Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 6 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân H1ện H tỉnh Thanh Hóa xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 38/2019/TLST-HS ngày 13 tháng 5 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 56/2019/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 5 năm 2019 đối với các bị cáo:

1. Lê Xuân D, sinh ngày 20/6/1994 tại xã Th, H1ện H, tỉnh Thanh Hóa; Nơi cư trú: thôn Đ, xã Th, H1ện H Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 9/12; Dân tộc: kinh; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt nam; Con ông Lê Xuân B (đã chết) và bà Lê Thị Ph, sinh năm 1963; có vợ là Lê Thị D, sinh năm 1998; có 02 con, lớn sinh năm 2016, nhỏ sinh năm 2018; Tiền án, tiền sự: Chưa; Nhân thân: Ngày 07/02/2016 bị Công an H1ện H xử phạt vi phạm hành chính về hành vi xâm hại đến sức khỏe của người khác với hình thức phạt tiền, bị cáo đã nộp tiền phạt vào ngày 01/03/2016. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 21/02/2019 đến ngày 02/3/2019, được thay thế biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

2. Lê Xuân H1, sinh ngày 18/10/1994 tại xã Th, H1ện H, tỉnh Thanh Hóa; Nơi cư trú: thôn T, xã Th, H1ện H, tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: Công nhân; Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: kinh; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt nam; Con ông Lê Xuân B, sinh năm 1973 và bà Lê Thị H, sinh năm 1975; Bị cáo chưa có vợ con, gia đình có 03 anh em, bị cáo là con đầu; Tiền án, tiền sự: không; Nhân thân: Ngày 16/4/2015 bị Công an thành phố Thanh Hóa xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “Đánh nhau” hình thức Phạt tiền, bị cáo đã nộp tiền phạt vào ngày 16/6/2015. Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 21/02/2019 đến

ngày 02/3/2019, được thay thế biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

3. Lê Xuân H2, sinh ngày 20/10/1983 tại xã Th, H1ện H, tỉnh Thanh Hóa; Nơi cư trú: thôn Đ, xã Th, H1ện H, tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: lao động tự do; Trình độ văn hóa: 02/12; Dân tộc: kinh; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt nam; Con ông Lê Xuân Th (đã chết) và bà Lê Thị Ng, sinh năm 1949; có vợ là Trần Thị Ngọc Th, sinh năm 1988; có 01 con sinh năm 2016; Tiền án, tiền sự: không; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 20/02/2019 đến ngày 26/02/2019 được thay thế biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

4. Đoàn Quang T1, sinh ngày 10/02/1990 tại xã Đ, H1ện H, tỉnh Thanh Hóa; Nơi cư trú: thôn S, xã Đ, TP. Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: kinh; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt nam; con ông Đoàn Quang Tr (đã chết) và bà Lê Thị S, sinh năm 1963; có vợ là Lê Thị Ngọc A, sinh năm 1994 và 02 con, lớn sinh năm 2013, nhỏ sinh năm 2016; Tiền án, tiền sự: không; Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 20/02/2019 đến ngày 26/02/2019, được thay thế biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

5. Lê Xuân T2, sinh ngày 18/9/1996 tại xã Th, H1ện H, Thanh Hóa; Nơi cư trú: thôn Đ, xã Th, H1ện H, tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 9/12; Dân tộc: kinh; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt nam; Con ông Lê Xuân T, sinh năm 1964 và bà Lê Thị Th, sinh năm 1966; Bị cáo chưa có vợ con; gia đình có 04 anh em, bị cáo là con thứ tư; Tiền án, tiền sự: không; Nhân thân: ngày 09/11/2018 bị cơ quan điều tra Công an H1ện H khởi tố bị can về tội “Gây rối trật tự công cộng” được áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Trong giai đoạn điều tra, bị cáo tiếp tục tham gia đánh bạc; Ngày 10/5/2019, bị cáo bị Tòa án nhân dân H1ện H xét xử 03 tháng tù về tội “Gây rối trật tự công cộng”; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 20/02/2019 cho đến nay. Có mặt.

6. Lê Xuân T3, sinh ngày 17/6/1964 tại xã Th H1ện H, tỉnh Thanh Hóa; Nơi cư trú: thôn Đ, xã Th, H1ện H, tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 7/10; Dân tộc: kinh; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt nam; Con ông Lê Xuân S và bà Lê Thị T (đều đã chết); Tiền án, tiền sự: không; Nhân thân: ngày 26/3/2014 bị Tòa án nhân dân H1ện H xử phạt 12 tháng tù cho hưởng án treo về tội “Đánh bạc” đã hết thời gian thử thách từ ngày 26/3/2016 và nộp tiền án phí vào ngày 09/4/2014. Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 20/02/2019 đến ngày 23/02/2019, được thay thế biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

7. Lê Khả T4, sinh ngày 10/3/1980 tại xã Th, H1ện H, tỉnh Thanh Hóa; Nơi cư trú: thôn Đ, xã Th, H1ện H, tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: lao động tự do; Trình độ văn hóa: 4/12; Dân tộc: kinh; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt nam; Con ông Lê Khả T, sinh năm 1957 và bà Lê Thị H sinh năm 1958; Có vợ là Lê Thị An, sinh năm 1983; Có 02 con, lớn

sinh năm 2004, nhỏ sinh năm 2008; Tiền sự: không; Tiền án: Ngày 12/6/2018 bị Tòa án nhân dân H1ện H xử phạt 12 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 24 tháng, phạt bổ sung 7.000.000 đồng về tội “Đánh bạc”; Nhân thân: Năm 2011 bị Tòa án nhân dân H1ện H xử phạt “cảnh cáo” về tội “Đánh bạc”. Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 20/02/2019 cho đến nay. Có mặt.

8. Lê Khả D, sinh ngày 02/3/1970 tại xã Th, H1ện H, tỉnh Thanh Hóa; Nơi cư trú: thôn T, xã Th, H1ện H, tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 7/10; Dân tộc: kinh; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt nam; con ông Lê Khả M (đã chết) và bà Lê Thị X, sinh năm 1925; có vợ là Lê Thị Th, sinh năm 1969; có 04 con, lớn nhất sinh năm 1992, nhỏ nhất sinh năm 2002; Tiền án, tiền sự: không; Có mặt.

9. Lê Khả Ph, sinh ngày 26/02/1979 tại xã Th, H1ện H, tỉnh Thanh Hóa; Nơi cư trú: thôn Đ, xã Th, H1ện H, tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ văn hóa: 8/12; Dân tộc: kinh; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt nam; Con ông Lê Khả V, sinh năm 1952 và bà Lê Thị L, sinh năm 1950; Có vợ là Lê Thị Th sinh năm 1983, Có 03 con, lớn nhất sinh năm 2003, nhỏ nhất sinh năm 2008; Tiền án, tiền sự: không; nhân thân: năm 2011 bị cáo bị Tòa án nhân dân H1ện H xử phạt Cảnh cáo về tội “Đánh bạc”, đã nộp tiền án phí vào 25/01/2013. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 13 giờ ngày 20/02/2019, Lê Xuân D và Lê Xuân H1 đến nhà Lê Xuân T3. Lúc này tại nhà T3 có Lê Xuân T2 (con trai T3) đang ở nhà. Khoảng 13 giờ 05' cùng ngày, có Đoàn Quang T1 đến, H1 và D rủ nhau cùng tổ chức đánh bạc dưới hình thức “ba cây cào chương” để thu lời bất chính, cụ thể D và H1 bàn bạc tổ chức đánh bạc, góp tiền cho các con bạc vay, thu tiền hồ; tiền thu lợi được sau sẽ chia đôi. Hai bị cáo thỏa thuận mỗi người góp số tiền 10.000.000 đồng để cho vay trong hoạt động cờ bạc. D đưa cho H1 10.000.000 đồng, H1 thực tế khi đó không có tiền. Thống nhất H1 thực hiện việc cho các con bạc vay tiền khi họ cần và thu tiền hồ. D là người tìm địa điểm, gọi người đến đánh bạc, canh gác, còn H1 mua bài, thu tiền chiếu. D rủ mọi người sang nhà Lê Văn Đ ở thôn Đ, xã Th để đánh bạc. Khi sang đến cổng nhà anh Đ thì gặp Lê Khả T4, Lê Khả Ph, Lê Khả D2. D rủ D2 vào nhà anh Đ để cùng tham gia đánh bạc, D2 đồng ý. T4 và Ph cũng đi vào trong nhà Đ để đánh bạc. Lúc này anh Đ đang ngủ trưa, không khóa cửa ngoài mà chỉ khóa cửa phòng ngủ. D tự sắp xếp và H1 đưa bộ bài ra cho T4, T3, Ph, D2, T3 đánh bạc, đồng thời quy định trong quá trình đánh bạc ai được 10 điểm thì cắt ra số tiền 100.000 đồng đưa trực tiếp cho H1, H1 đã thu được 1.300.000 đồng. Còn D ra ngoài đường phía trước nhà anh Đ để canh gác đề phòng lực lượng chức năng phát hiện. Trong quá trình

đánh bạc, Tý hết tiền nên vay của H1 số tiền 2.000.000 đồng, T1 vay của H1 số tiền 5.000.000 đồng. Đến khoảng 14 giờ 20 phút cùng ngày, Lê Xuân H2 đến và cùng tham gia đánh bạc. Khoảng 15 giờ cùng ngày, Lê Khả D2, Lê Khả Ph hết tiền nên ra về trước, còn lại T4, Tý, T1, T3 và H2 tiếp tục đánh bạc đến 15 giờ 30 phút cùng ngày thì bị lực lượng Công an H1 chặn bắt quả tang Lê Xuân H2, Lê Quang T2, Lê Khả T4, Lê Xuân T3 và Đoàn Quang T1 đang đánh bạc dưới hình thức “Ba cây cầm chương”, thu giữ 01 bộ bài tú lơ khơ 36 quân và số tiền 32.500.000 đồng. Riêng Lê Xuân D và Lê Xuân H1 chạy thoát và ngày 21/02/2019 H1 và D đến cơ quan Công an H1 để đầu thú, H1 giao nộp số tiền đã thu là 1.300.000 đồng. D2 và Ph đến cơ quan điều tra Công an H1 để khai nhận hành vi phạm tội.

Khi thực hiện hành vi trên, các bị cáo sử dụng số tiền như sau:

Lê Xuân D, Lê Xuân H1 thực hiện hành vi tổ chức đánh bạc và đã sử dụng số tiền 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) để cho vay trong hoạt động đánh bạc. H1 đã cho T1 và Tý vay 7.000.000 đồng (Bảy triệu đồng), còn 3.000.000 đồng khi bị bắt H1 bỏ ra chiếu bạc trước khi chạy thoát, cơ quan điều tra đã thu giữ. Quá trình tổ chức đánh bạc, bị cáo H1 đã thu được số tiền chiếu là 1.300.000 đ từ các bị cáo tham gia đánh bạc.

Lê Xuân H2 đã sử dụng 10.000.000 đồng vào việc đánh bạc; Đoàn Quang T1 có 2.300.000 đồng và vay H1 5.000.000 đồng, tổng là 7.300.000 đồng vào việc đánh bạc; Lê Xuân T2 có 5.000.000 đồng và vay của H1 2.000.000 đ, tổng là 7.000.000 đồng vào việc đánh bạc; Lê Xuân T3 đã sử dụng số tiền 3.000.000 đồng vào việc đánh bạc; Lê Khả T4 đã sử dụng số tiền 2.250.000 đồng vào việc đánh bạc; Lê Khả D2 đã sử dụng số tiền 1.400.000 đồng vào việc đánh bạc; Lê Khả Ph đã sử dụng 800.000 đồng vào việc đánh bạc;

Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như trên phù hợp với tài liệu chứng cứ và lời khai của người làm chứng có trong hồ sơ vụ án.

Bản cáo trạng số 45/CT-VKSHH ngày 10/5/2019 của Viện kiểm sát nhân dân H1 truy tố Lê Xuân D và Lê Xuân H1 về tội “Tổ chức đánh bạc” theo khoản 1 Điều 322 Bộ luật hình sự; truy tố các bị cáo Lê Xuân H2, Đoàn Quang T1, Lê Xuân T2, Lê Xuân T3, Lê Khả T4, Lê Khả D2 và Lê Khả Ph về tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 của Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận vẫn giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo.

- Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên các bị cáo Lê Xuân D và Lê Xuân H1 phạm tội “Tổ chức đánh bạc”.

Đề nghị áp dụng khoản 1, 3 Điều 322, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 65 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Lê Xuân D từ 30 tháng tù đến 36 tháng tù, cho hưởng án treo, thời

gian thử thách 60 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Phạt bổ sung bằng tiền từ 20.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng.

Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 322, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 65 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Lê Xuân H1 từ 24 tháng tù đến 30 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 48 tháng đến 60 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Đề nghị miễn hình phạt bổ sung bằng tiền do bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn, có xác nhận của chính quyền địa phương.

- Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên các bị cáo Lê Xuân H2, Đoàn Quang T1, Lê Xuân T2, Lê Xuân T3, Lê Khả T4, Lê Khả D2 và Lê Khả Ph về tội “Đánh bạc”

Đề nghị áp dụng khoản 1,3 Điều 321, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 17, 58, Điều 65 của Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo Lê Xuân H2 từ 18 tháng tù đến 24 tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 36 tháng đến 48 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Đề nghị áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền từ 15.000.000đ đến 20.000.000 đồng.

Xử phạt bị cáo Đoàn Quang T1 từ 12 tháng tù đến 18 tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 24 tháng đến 36 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Phạt bổ sung bằng tiền 15.000.000 đồng – 20.000.000 đồng.

Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, 58, Điều 38 của Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo Lê Xuân T2 từ 12 tháng tù đến 18 tháng tù, thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam (ngày 20/02/2019).

Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, 58, Điều 65 của Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo Lê Xuân T3 từ 12 tháng tù đến 18 tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 24 tháng đến 36 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Đề nghị miễn hình phạt bổ sung bằng tiền cho bị cáo T3 và bị cáo Tý do có hoàn cảnh khó khăn có xác nhận của chính quyền địa phương.

Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, 58, Điều 38, Điều 56, Điều 104 của Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo Lê Khả T4 từ 09 tháng tù đến 12 tháng tù, tổng hợp với 12 tháng tù cho hưởng án treo, chuyển thành 12 tháng tù của bản án hình sự sơ thẩm số 49/2018/HSST ngày 12/6/2018 của TAND Huyện H, trừ thời gian bị cáo đã bị tạm giữ của bản án số 49/2018/HSST. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giam, ngày 20/02/2019.

Đề nghị miễn hình phạt bổ sung bằng tiền cho bị cáo do có hoàn cảnh khó khăn, có

xác nhận của chính quyền địa phương.

Đề nghị áp dụng khoản 1, 3 Điều 321, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 17, 58, Điều 65 của Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo Lê Khả D2 từ 09 tháng tù đến 12 tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 tháng đến 24 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Phạt bổ sung bằng tiền 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng.

Đề nghị áp dụng khoản 1, 3 Điều 321, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, 58, Điều 65 của Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo Lê Khả Ph từ 09 tháng tù đến 12 tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 tháng đến 24 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Phạt bổ sung bằng tiền 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng.

Về vật chứng: Đề nghị áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, tịch thu tiêu hủy bộ bài tú lơ khơ 52 cây và tịch thu sung quỹ nhà nước số tiền 33.800.000 đồng là tiền dùng vào việc phạm tội hiện đều đang lưu giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự Huyện H.

Về án phí: Đề nghị buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Tại lời nói sau cùng, tất cả các bị cáo đều có ý kiến xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an Huyện H, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Huyện H, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Vụ án được đưa ra xét xử ngày 30/5/2019, nhưng tại phiên tòa vắng mặt bị cáo Lê Xuân H1, vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ Điều 290, Điều 297, Điều 299 của Bộ luật tố tụng hình sự, Quyết định hoãn phiên tòa và hôm nay vụ án được tiếp tục đưa ra xét xử theo đúng quy định của pháp luật.

[2] Đối với hành vi của các bị cáo Lê Xuân D, Lê Xuân H1, Lê Xuân H2, Đoàn Quang T1, Lê Xuân T2, Lê Xuân T3, Lê Khả T4, Lê Khả D2 và Lê Khả Ph là người có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, trong đó bị cáo Lê Xuân D và Lê Xuân H1 đã bàn bạc với

nhau tổ chức đánh bạc để thu lợi bất chính, cụ thể D đã có hành vi rủ rê, lôi kéo, tụ tập người khác tham gia đánh bạc với mục đích trục lợi, hai bị cáo thống nhất D giao số tiền 10.000.000 đồng cho H1 để H1 cho các bị cáo đánh bạc vay khi cần, thu tiền chiếu, chuẩn bị bài, còn D sẽ bố trí địa điểm chơi, canh gác. D và H1 bàn với nhau số tiền thu lợi bất chính được sẽ được chia đôi.

Đối với các bị cáo Lê Xuân H2, Đoàn Quang T1, Lê Xuân T2, Lê Xuân T3, Lê Khả T4, Lê Khả D2 và Lê Khả Ph đã cùng nhau thực hiện hành vi đánh bạc dưới hình thức “ba cây cầm chương”, với tổng số tiền đánh bạc thu được tại chiếu bạc là 32.500.000 đồng. Trong đó các bị cáo sử dụng số tiền vào việc đánh bạc là: Lê Xuân H2 đã sử dụng 10.000.000 đồng; Đoàn Quang T1 có 2.300.000 đồng và vay H1 5.000.000 đồng, tổng là 7.300.000 đồng; Lê Xuân T2 có 5.000.000 đồng và vay của H1 2.000.000 đ, tổng là 7.000.000 đồng; Lê Xuân T3 đã sử dụng số tiền 3.000.000 đồng; Lê Khả T4 đã sử dụng số tiền 2.250.000 đồng; Lê Khả D2 đã sử dụng số tiền 1.400.000 đồng; Lê Khả Ph đã sử dụng 800.000 đồng vào việc đánh bạc.

Như vậy hành vi của bị cáo Lê Xuân D và Lê Xuân H1 đã đủ yếu tố cấu thành tội phạm của tội “Tổ chức đánh bạc”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 322 của Bộ luật hình sự; Hành vi của các bị cáo Lê Xuân H2, Đoàn Quang T1, Lê Xuân T2, Lê Xuân T3, Lê Khả T4, Lê Khả D2 và Lê Khả Ph đã đủ yếu tố cấu thành tội phạm của tội “Đánh bạc”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật hình sự.

[3] Xét tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi: Hành vi phạm tội của các bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến trật tự công cộng, là một tệ nạn xã hội bị pháp luật nghiêm cấm, hành vi đó là nguy hiểm cho xã hội. Đây là vụ án đánh bạc có số Đ bị cáo tham gia, số tiền phạm tội lớn, gây mất trật tự trị an trong khu vực. Do đó phải xử lý nghiêm, có hình phạt phù hợp nhằm giáo dục các bị cáo và giáo dục chung cho xã hội.

[4] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Ngày 12/6/2018 bị cáo Lê Khả T4 bị Tòa án nhân dân Huyện H xử phạt 12 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 24 tháng. Trong thời gian thử thách, bị cáo T4 phạm tội nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Tái phạm” theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự;

Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa tất cả các bị cáo đều thành khẩn khai báo nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS; các bị cáo Lê Xuân H2, Đoàn Quang T1 và Lê Khả D2 phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 BLHS; sau khi phạm tội bị cáo Lê Xuân D và Lê Xuân H1 đã đến cơ quan điều tra Công an H1 để đầu thú, bị cáo Lê Khả Ph sau khi phạm tội đã đi làm và dù không biết được cơ quan điều tra có triệu tập mình hay không nhưng đã tự giác đến cơ quan điều tra để trình báo về hành vi phạm tội của mình cũng thể hiện bị cáo đã

đầu thú; chị gái bị cáo Lê Xuân T3 là bà Lê Thị Thoa được cấp giấy chứng nhận người được hưởng chính sách như thương binh, có H1 chương kháng chiến hạng Nhất, tức là người có công với cách mạng nên các bị cáo D, H1, T3, Ph được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS.

Đối với các bị cáo thực hiện hành vi Tổ chức đánh bạc cũng cần có sự phân hóa vai trò: hành vi bị cáo Lê Xuân D và Lê Xuân H1 đã bàn bạc với nhau sẽ tổ chức đánh bạc, bàn nhau và thống nhất D giao tiền cho H1 để H1 cho các người chơi bạc vay và thu tiền chiếu, thỏa thuận nếu thu lời được sẽ chia đôi, hai cùng rủ các bị cáo đánh bạc. Tuy nhiên D là người tự mình đi tìm địa điểm cho các bị cáo thực hiện việc đánh bạc, giữ nhiệm vụ cảnh giới, giao tiền cho D để cho các con bạc vay khi cần. Do đó bị cáo D giữ vai trò chỉ đạo. Bị cáo H1 cùng bàn bạc với D tổ chức cho mọi người đánh bạc, sử dụng số tiền bị cáo D đưa để cho các bị cáo khác vay đánh bạc, thu tiền chiếu nên giữ vai trò giúp sức Tổ chức đánh bạc. Như vậy bị cáo D phải chịu mức hình phạt cao hơn bị cáo H1.

Các bị cáo Lê Xuân D và Lê Xuân H1 chỉ vì động cơ vụ lợi đã thực hiện hành vi phạm tội nhưng nhận thấy tính chất, mức độ của hành vi phạm tội của bị cáo D thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, hành vi của bị cáo H1 là đồng phạm có vai trò giúp sức. Hội đồng xét xử nhận thấy căn cứ theo quy định tại Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, nên cân nhắc đưa ra mức hình phạt phù hợp với các bị cáo, thấy không cần thiết cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội mà cho các bị cáo hưởng mức hình phạt tù cho hưởng án treo cũng đủ để cải tạo, giáo dục đối với bị cáo, đồng thời để các bị cáo nhận thấy sự khoan hồng của pháp luật, thêm tin tưởng vào chế độ để tự tu dưỡng mình trở thành người dân lương thiện, sống có ích cho xã hội về sau.

Đối với các bị cáo phạm tội “Đánh bạc” thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn, không có sự bàn bạc, phân công, tuy nhiên cần phân hóa vai trò của từng bị cáo trong vụ án về hành vi Đánh bạc để có mức hình phạt phù hợp với tính chất, mức độ hành vi của các bị cáo.

Bị cáo Lê Xuân H2 đã tham gia đánh bạc với số tiền lớn nhất nên phải chịu mức hình phạt cao nhất trong số các bị cáo thực hiện hành vi đánh bạc.

Bị cáo Đoàn Quang T1 tham gia đánh bạc với số tiền ít hơn nên phải chịu mức hình phạt thấp hơn so với H2.

Bị cáo Lê Xuân T2 trong thời gian chờ cơ quan điều tra xử lý về hành vi “Gây rối trật tự công cộng” lại tiếp tục phạm tội “Đánh bạc”, vì vậy cần phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới đủ sức răn đe giáo dục, trừ thời gian bị cáo bị tạm giữ, tạm giam vào thời gian chấp hành hình phạt. Do bản án số 39/2019/HSST ngày 10/5/2019 xử bị cáo Tý về tội “Gây rối trật tự công cộng” chưa có H2 lực pháp luật nên Hội đồng xét xử không tổng hợp bản án đối với Lê Xuân T2.

Bị cáo Lê Xuân T3 tham gia đánh bạc với số tiền ít hơn, bị cáo có nhân thân xấu, nhưng trong vụ án này có bị cáo Tỷ là con trai của bị cáo T3. Hội đồng xét xử nhận thấy bị cáo Tỷ phải chịu mức hình phạt tù nên để bị cáo T3 nhận thấy chính sách nhân đạo của pháp luật nhà nước ta, cần cho bị cáo T3 mức hình phạt phù hợp, không cần cách ly khỏi xã hội mà để bị cáo tự cải tạo, giáo dục để trở thành người lương thiện.

Bị cáo Lê Khả T4 dù có số tiền phạm tội ít nhưng bị cáo đã phạm tội trong thời gian thử thách, vì vậy cần buộc bị cáo phải chịu hình phạt tù, đồng thời CH1ên 12 tháng tù, cho hưởng án treo của bản án số 49/2018/HSST ngày 12/6/2018 thành 12 tháng tù để tổng hợp thành hình phạt chung.

Bị cáo Lê Khả Ph có số tiền phạm tội ít nhất, lại tham gia đánh bạc với thời gian ngắn nên phải chịu mức hình phạt phù hợp với tính chất hành vi phạm tội.

Bị cáo Lê Khả D2 tham gia đánh bạc với số tiền ít, thời gian tham gia đánh bạc ngắn, chưa từng có hành vi vi phạm pháp luật. Vì vậy Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo hưởng mức hình phạt chính bằng tiền để bị cáo cũng đủ để răn đe, giáo dục đối với bị cáo.

Trên cơ sở xem xét đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nhận thấy các bị cáo Lê Xuân H2, Đoàn Quang T1, Lê Xuân T3, Lê Khả Ph có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đủ điều kiện được hưởng phạt tù cho hưởng án treo theo quy định tại Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Vì vậy Hội đồng xét xử cân nhắc và nhận thấy không cần phải cách ly các bị cáo Lê Xuân H2, Đoàn Quang T1, Lê Xuân T3, Lê Khả Ph ra khỏi xã hội mà cho các bị cáo được hưởng hình phạt tù cho hưởng án treo cũng đủ răn đe, giáo dục đối với các bị cáo.

Trong vụ án, các bị cáo đã sử dụng nhà của anh Lê Văn Đ là nơi đánh bạc, nhưng anh Đ không biết các bị cáo dùng nhà của mình là nơi phạm tội, Cơ quan điều tra không xử lý đối với Lê Văn Đ nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về hình phạt bổ sung: Lê Xuân H1, Lê Khả T4, Lê Xuân T3 và Lê Xuân T2 đều có hoàn cảnh gia đình khó khăn, có xác nhận của chính quyền địa phương nên không áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền đối với các bị cáo.

[6] Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, tịch thu tiêu hủy 36 cây bài tú lơ khơ và tịch thu sung quỹ nhà nước số tiền 33.800.000 đồng là số tiền dùng vào việc phạm tội. Tất cả vật chứng đều đang được lưu giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự H1ên Hoàng Hóa.

Về án phí: Vì các bị cáo bị kết án nên phải chịu án phí hình sự theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố các bị cáo Lê Xuân D, Lê Xuân H1 phạm tội “Tổ chức đánh bạc”

- Căn cứ khoản 1, 3 Điều 322, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 65 Bộ luật hình sự

Xử phạt bị cáo Lê Xuân D 24 (Hai mươi tư) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 48 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Phạt bổ sung bằng tiền: 20.000.000 đồng (*Hai mươi triệu đồng*).

- Căn cứ khoản 1 Điều 322, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 65 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Lê Xuân H1 18 tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 36 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Tuyên bố các bị cáo Lê Xuân H2, Đoàn Quang T1, Lê Xuân T2, Lê Xuân T3, Lê Khả T4, Lê Khả D2 và Lê Khả Ph phạm tội “Đánh bạc”.

- Căn cứ khoản 1, 3 Điều 321, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 65 của Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo Lê Xuân H2 15 (Mười lăm) tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 30 (Ba mươi) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Phạt bổ sung 12.000.000 đồng (Mười hai triệu đồng).

- Căn cứ khoản 1, 3 Điều 321, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 65 của Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo Đoàn Quang T1 12 (Mười hai) tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 24 (Hai mươi tư) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Phạt bổ sung bằng tiền 10.000.000 đồng (*Mười triệu đồng*).

- Căn cứ khoản 1 Điều 321, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 38 của Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo Lê Xuân T2 08 (T3) tháng tù, thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam ngày 20/02/2019.

- Căn cứ khoản 1 Điều 321, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 65 của Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo Lê Xuân T3 08 (T3) tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 16 (Mười sáu) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Căn cứ khoản 1 Điều 321, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 38, Điều 56, Điều 104 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Lê Khả T4 07 (Bảy) tháng tù, tổng hợp với 12 tháng tù của bản án Hình sự sơ thẩm số 49/2018/HSST ngày 12/6/2018. Bị cáo Lê Khả T4 phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 19 tháng tù, trừ thời gian bị cáo đã bị tạm giữ từ ngày 06/10/2017 đến ngày 02/11/2017 của bản án số 49/2018/HSST. Thời gian chấp hành án tính từ ngày bị cáo bị tạm giam, ngày 20/02/2019.

- Căn cứ khoản 1, 3 Điều 321, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 65 của Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo Lê Khả Ph 07 (Bảy) tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 14 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Phạt bổ sung bằng tiền 10.000.000 đồng (*Mười triệu đồng*).

- Căn cứ khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 35 của Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo Lê Khả D2 hình phạt chính bằng tiền là 25.000.000 đồng (*Hai mươi lăm triệu đồng*).

Trong thời gian thử thách giao các bị cáo Lê Xuân D, Lê Xuân H1, Lê Xuân H2, Lê Xuân T3 và Lê Khả Ph cho Ủy ban nhân dân xã Th, Huyện H, giao bị cáo Đoàn Quang T1 cho Ủy ban nhân dân xã Đ, thành phố Thanh Hóa để giám sát giáo dục. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu bị cáo Lê Xuân D, Lê Xuân H1, Lê Xuân H2, Đoàn Quang T1, Lê Xuân T3 và Lê Khả Ph cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Tịch thu tiêu hủy 36 cây bài tú lơ khơ đã qua sử dụng theo biên bản giao nhận vật chứng số 52/BBGN ngày 10/5/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự H1ện Hoằng Hóa;

- Tịch thu sung quỹ nhà nước số tiền 33.800.000 đồng (*Ba mươi ba triệu T3 trăm nghìn đồng*) đang lưu giữ trong tài khoản của Chi cục Thi hành án dân sự Huyện H theo ủy nhiệm chi lập ngày 13/5/2019 do đơn vị cH1ền là Công an Huyện H tài khoản 3949.0.9013481 đến đơn vị nhận tiền là Chi cục Thi hành án dân sự Huyện H tài khoản 3949.0.1053935.

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135, Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 21, 23 Nghị quyết số 326/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc các bị cáo Lê Xuân D, Lê Xuân H1, Lê Xuân H2, Đoàn Quang T1, Lê Xuân T2, Lê Xuân T3, Lê Khả T4, Lê Khả Ph và Lê Khả D2 mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời H2 thi hành án được quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND h.H;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Chi cục THADS h.H;
- Công an h.H;
- Các bị cáo;
- UBND xã Th, h. H;
- UBND xã Đ, TP Thanh Hóa;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Ngọc Tú

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Văn Hải

Lê Thanh Bình

Lê Thị Ngọc Tú

